

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 đăng ký lần đầu ngày 27/6/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 là: 101.399.970.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm lẻ một tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SADICO CAN THO JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: SADICO CAN THO.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HNX (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Mã cổ phiếu: SDG.

Trụ sở chính của Công ty: 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hường	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Văn Ngữ	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Xuân Nguyên	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Như Tiến	Thành viên
Ông Bùi Vũ Phúc	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Vũ Xuân Nguyên	Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị Công ty (Bổ nhiệm từ ngày 30/6/2026)
--------------------	---

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tăng Vũ Giang	Tổng Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm từ ngày 01/6/2026)
Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc điều hành (Miễn nhiệm từ ngày 01/6/2026)
	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/6/2026)
Ông Nguyễn Kỳ Nam	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20/3/2026)
Ông Trịnh Xuân Thảo	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 04/02/2026 và miễn nhiệm từ ngày 01/6/2026)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Cường
Phó Tổng Giám đốc

Giấy Ủy quyền số: 03/2026/GUQ-SDC ngày 26/8/2026 của Chủ tịch HĐQT
Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2026

1019179
GTY
HH
TOÁN
ETNAM
NỘI - V

Số: 226/2026/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ**

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ được lập ngày 28/8/2026, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Lưu Minh Tới****Phó Giám đốc Phụ trách Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 06/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

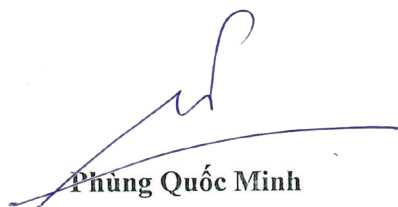
TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+160)	100		105.255.314.062	144.726.095.197
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.298.871.310	2.171.138.701
1. Tiền	111		4.298.871.310	2.171.138.701
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	31.569.095.890	32.103.323.288
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2a	31.569.095.890	32.103.323.288
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.503.718.672	56.904.432.733
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	29.572.803.840	54.456.159.851
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	710.700.086	8.320.049.126
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	2.961.019.215	4.705.143.452
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(13.740.804.469)	(10.576.919.696)
IV. Hàng tồn kho	140		48.861.451.629	51.764.050.033
1. Hàng tồn kho	141	5.7	48.861.451.629	51.764.050.033
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.022.176.561	1.783.150.442
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8	920.107.571	1.010.044.990
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	671.036.462
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.14	102.068.990	102.068.990
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260+270)	200		181.642.714.252	145.096.039.468
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		43.260.212.052	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	43.260.212.052	-
II. Tài sản cố định	220		75.484.839.121	82.094.415.547
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	75.484.839.121	82.094.415.547
- Nguyên giá	222		237.643.010.305	237.473.010.305
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(162.158.171.184)	(155.378.594.758)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		99.856.000	99.856.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.856.000)	(99.856.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		2.377.974.197	1.899.815.987
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	5.11	2.377.974.197	1.899.815.987
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2b	57.485.335.162	57.485.335.162
1. Đầu tư vào Công ty con	261	5.2b	53.251.820.004	53.251.820.004
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	5.2b	4.233.515.158	4.233.515.158
VII. Tài sản dài hạn khác	270		3.034.353.720	3.616.472.772
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	2.545.485.229	3.047.493.327
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		488.868.491	568.979.445
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		286.898.028.314	289.822.134.665

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		88.220.741.072	91.853.389.839
I. Nợ ngắn hạn	310		88.220.741.072	91.853.389.839
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	8.034.106.358	6.974.450.614
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.677.704.806	737.128.480
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		18.896.000	42.274.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.14	190.275.957	43.832.446
5. Phải trả người lao động	315		3.243.898.918	4.377.982.187
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.15	1.254.557.795	3.299.713.193
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	590.000.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.16	724.708.804	319.256.994
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.17	65.839.988.793	67.949.227.189
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.236.603.641	7.519.524.736
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	198.677.287.242	197.968.744.826
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		101.399.970.000	101.399.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		101.399.970.000	101.399.970.000
2. Thặng dư vốn	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.164.873.565	36.088.794.660
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		61.162.443.677	60.529.980.166
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		59.777.822.356	59.261.998.416
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		1.384.621.321	1.267.981.750
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		286.898.028.314	289.822.134.665

Người lập biểu/ Kế toán trưởng


Phùng Quốc Minh

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2026

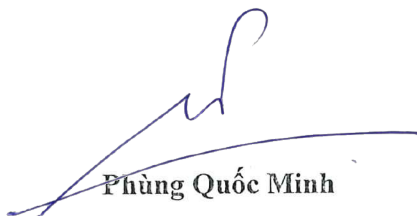
Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	108.995.480.538	98.908.925.645
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	4.350.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	108.995.480.538	98.904.575.645
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	95.407.019.763	90.653.094.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		13.588.460.775	8.251.480.667
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.5	2.026.349.444	2.984.964.559
8. Chi phí tài chính	23	6.6	2.468.413.911	1.684.208.681
Trong đó: Chi phí đi vay	24		2.467.977.663	1.684.208.681
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	1.184.941.859	1.342.728.145
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	10.575.973.296	7.691.700.776
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+(22-23)-(25+26)}	30		1.385.481.153	517.807.624
12. Thu nhập khác	31		240.302	-
13. Chi phí khác	32		1.100.134	-
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(859.832)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.384.621.321	517.807.624
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.384.621.321	517.807.624

Người lập biểu/ Kế toán trưởng


Phùng Quốc Minh

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.384.621.321	517.807.624
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.779.576.426	5.971.878.070
- Các khoản dự phòng	03		3.163.884.773	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		435.770	(589.668)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(2.013.470.473)	(2.984.374.891)
- Chi phí đi vay	06		2.467.977.663	1.684.208.681
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.783.025.480	5.188.929.816
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.952.346.302)	1.679.300.661
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.982.709.358	(7.958.969.010)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.185.943.806)	(3.711.629.504)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		591.945.517	(274.817.948)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(2.522.523.133)	(1.703.871.077)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(359.000.000)	(916.816.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.337.867.114	(7.697.873.062)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(648.158.210)	(52.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.547.697.871	3.604.333.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.899.539.661	3.552.333.795
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		86.247.303.840	72.098.739.604
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(88.356.542.236)	(67.778.357.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.109.238.396)	4.320.382.432
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.128.168.379	174.843.165
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	2.171.138.701	2.258.246.987
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(435.770)	589.668
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	4.298.871.310	2.433.679.820

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc

Phùng Quốc Minh

Nguyễn Văn Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 đăng ký lần đầu ngày 27/6/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 là: 101.399.970.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm lẻ một tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SADICO CAN THO JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: SADICO CAN THO.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HNX (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Mã cổ phiếu: SDG.

Trụ sở chính của Công ty: 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các Công ty con như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp
Công ty con				
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất xi măng, thạch cao	51,06%	51,06%
Công ty con của Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô - Công ty con gián tiếp				
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	68,52%	34,99%
Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Cung ứng lao động tạm thời	90,50%	46,21%

1.5. Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 217 người (tại ngày 01/01/2026 là 224 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản cho vay

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc sau đó được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày riêng biệt trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư và đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có khả năng không thu hồi được theo các điều khoản đã thỏa thuận.

Đầu tư vào Công ty con; đầu tư vào đơn vị khác: Dự phòng tổn thất được trích lập khi có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư bị suy giảm giá trị tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Giá trị tổn thất được xác định theo quy định kế toán hiện hành phù hợp với bản chất của từng khoản đầu tư.

Đối với các đơn vị được đầu tư là công ty mẹ, căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của đơn vị được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị văn phòng	05 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất và chi phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc trả trước

Tiền thuê đất là khoản tiền Công ty thuê đất của Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm cháy nổ là khoản chi bắt buộc cho hoạt động sản xuất của Công ty. Các chi phí chờ phân bổ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng trong 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác**

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả này là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng TMCP.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả khác trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	4.298.871.310	2.171.138.701
Cộng	4.298.871.310	2.171.138.701

(i) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	3.487.643.166	38.149.441
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	666.723.707	2.028.934.284
Các Ngân hàng TMCP khác	144.504.437	104.054.976
Cộng	4.298.871.310	2.171.138.701

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Ngắn hạn	31.569.095.890	31.569.095.890	-	32.103.323.288	32.103.323.288
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>31.569.095.890</i>	<i>31.569.095.890</i>	-	<i>32.103.323.288</i>	<i>32.103.323.288</i>
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Lãi dự thu từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	569.095.890	569.095.890	-	1.103.323.288	-
Cộng	31.569.095.890	31.569.095.890	-	32.103.323.288	32.103.323.288

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,5 đến 7,2%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi với số tiền 31.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Cần Thơ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ	30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
		Vốn giữ năm	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào Công ty con				53.251.820.004	53.251.820.004	-	53.251.820.004	53.251.820.004	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô (i)	51,1%	51,1%		53.251.820.004	53.251.820.004	-	53.251.820.004	53.251.820.004	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				4.233.515.158	4.233.515.158	-	4.233.515.158	4.233.515.158	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên				2.682.621.200	2.682.621.200	-	2.682.621.200	2.682.621.200	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang				1.550.893.958	1.550.893.958	-	1.550.893.958	1.550.893.958	-
Cộng				57.485.335.162	57.485.335.162	-	57.485.335.162	57.485.335.162	-

- (i)

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/5/2026 đã thông qua phương án chuyển nhượng 20% số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô với giá chào bán dự kiến 12.000 VND/ cổ phần. Tại thời điểm báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình triển khai phương án nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	29.572.803.840	(13.580.904.469)	54.456.159.851	(10.417.019.696)
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	-	-	16.398.291.672	-
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	6.400.000.000	(6.400.000.000)	6.400.000.000	(4.224.340.540)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	21.357.324	(21.357.324)	2.061.774.000	(849.124.656)
Công ty TNHH Công nghiệp Bao C.P. (Việt Nam)	2.960.581.104	-	4.477.200.048	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Xuất nhập khẩu Sài Gòn	4.250.396.450	(2.125.198.225)	4.387.220.450	-
Các đối tượng khác	15.940.468.962	(5.034.348.920)	20.731.673.681	(5.343.554.500)
Dài hạn	43.260.212.052	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	43.260.212.052	-	-	-
Cộng	72.833.015.892	(13.580.904.469)	54.456.159.851	(10.417.019.696)

Trong đó: Phải thu khách hàng với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

43.260.212.052	-	16.398.291.672	-
----------------	---	----------------	---

Toàn bộ nợ phải thu của khách hàng tại ngày 30/6/2026 có giá trị ghi sổ là 72.833.015.892 VND (tại ngày 01/01/2026 là 54.456.159.851 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số 5.17 và Thuyết minh 5.19).

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Windmoller and Holscher Machinery K.S.	-	-	155.448.212	-
Công ty Cổ phần Stavian Hóa Chất	-	-	2.548.800.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	-	-	5.131.330.000	-
Các đối tượng khác	710.700.086	-	484.470.914	-
Cộng	710.700.086	-	8.320.049.126	-

Trong đó: Trả trước cho người bán với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

-	-	5.131.330.000	-
---	---	---------------	---

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy,
Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tạm ứng	2.578.674.569	-	2.677.427.504	-
Phải thu khác	382.344.646	(159.900.000)	2.027.715.948	(159.900.000)
Cộng	2.961.019.215	(159.900.000)	4.705.143.452	(159.900.000)

(*) Tiền tạm ứng cán bộ nhân viên là khoản tiền Công ty ứng cho Cán bộ công nhân viên để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Nợ xấu

30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
Thời gian quá hạn	Giá trị nợ gốc	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị nợ gốc	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng							
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức	15.731.213.694	(13.580.904.469)	2.150.309.225		16.125.122.920	(10.417.019.696)	5.708.103.224
> 3 năm	4.499.999.920	(4.499.999.920)	-	> 3 năm	4.499.999.920	(4.499.999.920)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Xuất nhập khẩu Sài Gòn	4.250.396.450	(2.125.198.225)	2.125.198.225				
Từ 1 - 2 năm				Từ 2 - 3 năm	6.400.000.000	(4.224.340.540)	2.175.659.460
> 3 năm	6.400.000.000	(6.400.000.000)	-				
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	21.357.324	(21.357.324)	-	Từ 1 - 2 năm	2.061.774.000	(849.124.656)	1.212.649.344
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	559.460.000	(534.349.000)	25.111.000	Từ 1 - 3 năm	3.163.349.000	(843.554.580)	2.319.794.420
Các đối tượng khác	159.900.000	(159.900.000)	-	> 3 năm	159.900.000	(159.900.000)	-
2. Phải thu ngắn hạn khác							
Bà Nguyễn Hoàng Yến	159.900.000	(159.900.000)	-				
Cộng	15.891.113.694	(13.740.804.469)	2.150.309.225		16.285.022.920	(10.576.919.696)	5.708.103.224

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.822.007.692	-	17.686.801.309	-
Công cụ, dụng cụ	8.381.866.590	-	8.452.582.144	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.467.273.802	-	4.226.873.294	-
Sản phẩm	16.190.303.545	-	21.397.793.286	-
Cộng	48.861.451.629	-	51.764.050.033	-

Toàn bộ nguyên vật liệu, sản phẩm tồn kho có giá trị sổ sách tại ngày 30/6/2025 là 36.012.311.237 VND (tại ngày 01/01/2026 là 39.084.594.595 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (xem tại thuyết minh 5.17 và thuyết minh 5.19).

5.8 Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	920.107.571	1.010.044.990
Công cụ, dụng cụ	17.297.176	52.087.332
Chi phí mua bảo hiểm	40.500.000	86.824.466
Chi phí chờ phân bổ khác	862.310.395	871.133.192
Dài hạn	2.545.485.229	3.047.493.327
Công cụ, dụng cụ	1.173.672.860	1.095.402.810
Chi phí sửa chữa	1.031.898.768	1.352.491.636
Chi phí chờ phân bổ khác	339.913.601	599.598.881
Cộng	3.465.592.800	4.057.538.317

Mẫu số B 09a - DN

366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy,

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tài sản cố định hữu hình

a. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình		Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại ngày 01/01/2026		32.424.707.650	193.189.025.452	11.504.399.526	354.877.677	237.473.010.305	
Mua trong kỳ		-	170.000.000	-	-	170.000.000	
Số dư tại ngày 30/6/2026		32.424.707.650	193.359.025.452	11.504.399.526	354.877.677	237.643.010.305	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại ngày 01/01/2026		27.852.484.558	123.372.490.304	3.932.274.901	221.344.995	155.378.594.758	
Khấu hao trong kỳ		321.169.584	5.952.350.300	478.239.450	27.817.092	6.779.576.426	
Số dư tại ngày 30/6/2026		28.173.654.142	129.324.840.604	4.410.514.351	249.162.087	162.158.171.184	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư tại ngày 01/01/2026		4.572.223.092	69.816.535.148	7.572.124.625	133.532.682	82.094.415.547	
Số dư tại ngày 30/6/2026		4.251.053.508	64.034.184.848	7.093.885.175	105.715.590	75.484.839.121	

b. Danh mục tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình:

Loại và tên tài sản	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại
Máy móc thiết bị	30.079.077.650	4.010.543.688	26.068.533.962	27.071.169.884
Máy tạo sợi 3 - Nhà xưởng 3	30.079.077.650	4.010.543.688	26.068.533.962	27.071.169.884
Cộng	30.079.077.650	4.010.543.688	26.068.533.962	27.071.169.884

Trong đó:

Trong đó: TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 65.024.953.173 VND (tài ngày 01/01/2026: 62.348.547.774 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2026 là 61.559.549.222 VND (tại ngày 01/01/2026: 67.053.673.976 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	99.856.000	99.856.000
Số dư tại ngày 30/6/2026	99.856.000	99.856.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	99.856.000	99.856.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2026	99.856.000	99.856.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2026	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2026	-	-

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 99.856.000 VND (tại ngày 01/01/2026 là 99.856.000 VND).

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/6/2026 (VND)</u>		<u>01/01/2026 (VND)</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
Xây dựng kho nguyên liệu, phân xưởng sản xuất 3 và đường đi	2.057.974.197	2.057.974.197	1.899.815.987	1.899.815.987
Mua máy tráng ghép màng	320.000.000	320.000.000	-	-
Cộng	<u>2.377.974.197</u>	<u>2.377.974.197</u>	<u>1.899.815.987</u>	<u>1.899.815.987</u>

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>30/6/2026 VND</u>	<u>01/01/2026 VND</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân	343.245.600	662.385.600
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	3.791.907.000	3.881.703.600
Các đối tượng khác	3.898.953.758	2.430.361.414
Cộng	<u>8.034.106.358</u>	<u>6.974.450.614</u>
<i>Trong đó: Phải trả người bán với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>201.241.400</i>	<i>56.382.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy,
Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH Thương mại SHINWOO	-	537.128.480
Dae Bo Jong Hap Sang Sa	199.151.621	200.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Trường Phúc	754.713.763	-
Các đối tượng khác	723.839.422	-
Cộng	1.677.704.806	737.128.480

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
a) Phải nộp	43.832.446	1.939.982.249	1.793.538.738	190.275.957
Thuế giá trị gia tăng	-	1.682.716.621	1.593.427.923	89.288.698
Thuế xuất nhập khẩu	-	14.945.682	14.945.682	-
Thuế thu nhập cá nhân	43.832.446	242.319.946	185.165.133	100.987.259
b) Phải thu	102.068.990	-	-	102.068.990
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	102.068.990	-	-	102.068.990

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí lãi vay	66.631.015	121.176.485
Trích trước nhập mua nguyên liệu	-	2.360.000.000
Trích trước chi phí thuê đất	610.518.867	-
Các khoản phải trả khác	577.407.913	818.536.708
Cộng	1.254.557.795	3.299.713.193

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Kinh phí công đoàn	203.977.400	67.399.700
Bảo hiểm xã hội	306.950.624	86.624
Bảo hiểm y tế	44.696.701	-
Bảo hiểm thất nghiệp	36.664.184	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	132.419.895	251.770.670
Cộng	724.708.804	319.256.994

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ
366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy,
Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Vay ngắn hạn

	30/6/2026 VND	Tăng trong kỳ (VND)	Giảm trong kỳ (VND)	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (i)	34.295.125.151	57.354.801.017	52.784.371.736	29.724.695.870
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (ii)	1.591.038.640	1.591.038.640	8.272.170.500	8.272.170.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ - Tầu chi (iii)	29.953.825.002	27.301.464.183	27.300.000.000	29.952.360.819
Cộng	65.839.988.793	86.247.303.840	88.356.542.236	67.949.227.189



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Vay ngắn hạn (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 130/2025-HĐCVHM/NHCT820-CTY CP SADICO CAN THO ký ngày 01/7/2025.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bao bì;

Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 30/6/2026;

Lãi suất vay: Theo từng giấy nhận nợ;

Tài sản đảm bảo: Chủ yếu được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu của Công ty; Hàng tồn kho hình thành từ vốn vay, máy móc thiết bị;

(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2025/13791013/HĐTD ký ngày 14/2/2025;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C;

Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/01/2026;

Lãi suất vay: Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;

Tài sản đảm bảo: Chủ yếu được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu của Công ty, hàng tồn kho và máy móc thiết bị;

(iii) Vay thấu chi của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2025/13791013/HĐTD ký ngày 28/10/2025..

Mục đích vay: Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28/10/2026;

Lãi suất vay: 5,1%/năm (được áp dụng tới ngày 21/11/2025) và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần theo thông báo của ngân hàng;

Tài sản đảm bảo: Được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với số tiền 30.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2021/13791013/HĐBĐ ngày 12/4/2021;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2025	101.399.970.000	(50.000.000)	36.024.541.974	70.210.500.788
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.267.981.750
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	64.252.686	(64.252.686)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(680.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(64.252.686)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.139.997.000)
Số dư tại ngày 01/01/2026	101.399.970.000	(50.000.000)	36.088.794.660	60.529.980.166
Lãi trong kỳ này	-	-	76.078.905	1.384.621.321
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	(76.078.905)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(600.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(76.078.905)
Số dư tại ngày 30/6/2026	101.399.970.000	(50.000.000)	36.164.873.565	61.162.443.677
				198.677.287.242

(i) Trong kỳ, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/5/2026 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển: 6% lợi nhuận sau thuế	76.078.905
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 6% lợi nhuận sau thuế	76.078.905
• Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	600.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Bà Phạm Thị Thúy	23.016.920.000	23.016.920.000
Bà Phạm Thị Thêu	22.570.000.000	22.570.000.000
Ông Bùi Văn Tùng	19.578.790.000	19.578.790.000
Bà Trương Thị Phương Thúy	14.950.440.000	14.950.440.000
Ông Mai Công Toàn	9.521.000.000	9.521.000.000
Các đối tượng khác	11.762.820.000	11.762.820.000
Cộng	101.399.970.000	101.399.970.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	101.399.970.000	101.399.970.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	101.399.970.000	101.399.970.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	1/1/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.139.997	10.139.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.139.997	10.139.997
Cổ phiếu phổ thông	10.139.997	10.139.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.139.997	10.139.997
Cổ phiếu phổ thông	10.139.997	10.139.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của Công ty

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.164.873.565	36.088.794.660
Cộng	36.164.873.565	36.088.794.660

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

a) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo thời hạn, ước tính như sau:

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Từ 01 năm trở xuống	205.773.994	716.118.950
Tổng	205.773.994	716.118.950

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động nêu trên bao gồm:

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có các cam kết thuê hoạt động là các hợp đồng thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh, chi tiết như sau:

- Diện tích 19.700 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 18 năm tính từ ngày 31/7/2008 đến 31/7/2026.
- Diện tích 1.222,8 m² đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 18 năm tính từ ngày 31/7/2008 đến 31/7/2026.
- Diện tích 2.948,2 m² đất tại thửa đất số 19 và 51, tờ bản đồ số 36 và 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 33/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 25 năm tính từ ngày 26/11/2001 đến 26/11/2026.
- Diện tích 7.752,1 m² đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 25 năm tính từ ngày 16/8/2001 đến 16/8/2026.

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Trần Quang Thái (i)	80.640.710	80.640.710
Các đối tượng khác (ii)	840.899.991	840.899.991
Cộng	921.540.701	921.540.701

(i) Nguyên nhân xóa nợ: Không còn đóng tại địa chỉ đăng ký, không liên lạc được.

(ii) Nguyên nhân xóa nợ: Không có khả năng thu hồi.

c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026	01/01/2026
Tiền gửi Ngân hàng		
Tiền USD	17.767,87	44.205,59
Tương đương VND	467.023.610	1.153.102.815

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (Tiếp theo)

d) Tài sản của doanh nghiệp sử dụng để cầm cố, thế chấp

Loại tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	141.552.121.139	79.992.571.917	61.559.549.222
Máy móc, thiết bị	141.552.121.139	79.992.571.917	61.559.549.222
Tổng cộng	141.552.121.139	79.992.571.917	61.559.549.222

Khoản mục	Giá trị ghi sổ/ Giá gốc
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	72.833.015.892
Hàng tồn kho	36.012.311.237
Tổng cộng	139.845.327.129

Các thông tin về đối tượng nhận cầm cố/ thế chấp và thời hạn được trình bày tại Thuyết minh số 5.17.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.889.274.700	255.000.000
Doanh thu bán sản phẩm	106.991.660.384	98.539.380.191
Doanh thu khác	114.545.454	114.545.454
Cộng	108.995.480.538	98.908.925.645
<i>Trong đó: Giao dịch bán với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>31.947.048.500</i>	<i>22.663.184.600</i>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Khoản giảm giá hàng bán	-	4.350.000
Cộng	-	4.350.000

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.889.274.700	255.000.000
Doanh thu bán sản phẩm	106.991.660.384	98.535.030.191
Doanh thu khác	114.545.454	114.545.454
Cộng	108.995.480.538	98.904.575.645

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.4 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.889.274.700	251.500.000
Giá vốn bán sản phẩm	93.517.745.063	90.383.569.968
Giá vốn hoạt động khác	-	18.025.010
Cộng	95.407.019.763	90.653.094.978

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi	919.536.364	684.490.091
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.096.810.200	2.299.884.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.002.880	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	589.668
Cộng	2.026.349.444	2.984.964.559

6.6 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	2.467.977.663	1.684.208.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	478	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	435.770	-
Cộng	2.468.413.911	1.684.208.681

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy,
Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	1.184.941.859	1.342.728.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.181.259.216	1.334.597.451
Chi phí bằng tiền khác	3.682.643	8.130.694
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.575.973.296	7.691.700.776
Chi phí nhân viên quản lý	4.827.788.535	4.982.851.981
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	31.334.188
Chi phí khấu hao TSCĐ	488.908.950	329.495.800
Thuế phí và lệ phí	610.538.867	207.217.985
Chi phí dự phòng	3.163.884.773	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	532.874.571	647.814.314
Chi phí bằng tiền khác	951.977.600	1.492.986.508
Cộng	11.760.915.155	9.034.428.921

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.997.311.106	70.755.511.221
Chi phí nhân công	17.127.999.494	17.837.455.280
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.779.576.426	5.971.878.070
Chi phí dự phòng	3.163.884.773	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.095.018.887	10.140.089.412
Chi phí khác bằng tiền	1.004.144.232	1.602.330.281
Cộng	107.167.934.918	106.307.264.264

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy,
Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.384.621.321	517.807.624
Các khoản điều chỉnh tăng	814.924.146	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>814.488.376</i>	-
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>435.770</i>	-
Các khoản điều chỉnh giảm	1.096.810.200	2.300.474.468
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>-</i>	<i>589.668</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>1.096.810.200</i>	<i>2.299.884.800</i>
Thu nhập chịu thuế	1.102.735.267	(1.782.666.844)
<i>Chuyển lỗ được phép chuyển</i>	<i>1.102.735.267</i>	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Cùng Chủ tịch
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**a.1 Thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Đỗ Hữu Hướng	Thành viên độc lập	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Ngữ	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Cộng		180.000.000	180.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy,
Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**a.2 Thù lao của Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
		VND	VND
Ông Vũ Xuân Nguyên	Trưởng ban	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Như Tiến	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Ông Bùi Vũ Phúc	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Cộng		120.000.000	120.000.000

a.3 Tiền lương và các lợi ích khác của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
		VND	VND
Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	1.163.306.700	1.194.000.000
Ông Tăng Vũ Giang	Tổng Giám đốc điều hành	51.540.000	-
Ông Nguyễn Văn Cường	Nguyên Tổng Giám đốc điều hành	289.930.257	260.764.840
	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Kỳ Nam	Phó Tổng Giám đốc	111.849.232	-
Ông Trịnh Xuân Thảo	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	91.095.001	
Ông Lê Văn Đáng	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	66.906.456
Cộng		1.707.721.190	1.521.671.296

b. Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
		VND	VND
Mua hàng		133.909.999	655.435.184
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Mua hàng hóa, dịch vụ	54.009.629	595.472.222
Công ty Cổ phần Vận tải	Mua hàng hóa, dịch vụ	79.900.370	59.962.962
Xi măng Tây Đô			
Bán hàng		31.947.048.500	22.663.184.600
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Bán hàng hóa	31.947.048.500	22.663.184.600

c. Số dư chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Phân loại	30/6/2026	01/01/2026
		VND	VND
Phải thu của khách hàng		43.260.212.052	16.398.291.672
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Ngắn hạn	-	16.398.291.672
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Dài hạn	43.260.212.052	-
Trả trước cho người bán		-	5.131.330.000
Công ty Cổ phần Bê Tông Tây Đô	Ngắn hạn	-	5.131.330.000
Phải trả người bán		201.241.400	56.382.000
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Ngắn hạn	142.674.400	56.382.000
Công ty Cổ phần Bê Tông Tây Đô	Ngắn hạn	58.567.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

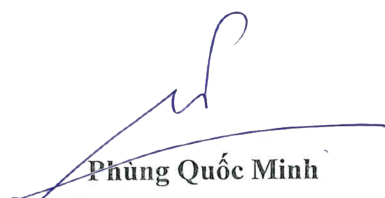
7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số khoản mục tại ngày 01/01/2026 trên Báo cáo tình hình tài chính riêng như sau:

	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Tại ngày 31/12/2025 (đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	32.103.323.288	31.000.000.000	1.103.323.288
Phải thu ngắn hạn khác	4.705.143.452	5.808.466.740	(1.103.323.288)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	42.274.000	-	42.274.000
Phải trả ngắn hạn khác	319.256.994	361.530.994	(42.274.000)

Người lập biểu/ Kế toán trưởng
Phùng Quốc Minh

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Cường